Phụ lục 06
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT LẦN ĐẦU TỈNH AN GIANG
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026
PHƯỜNG MỸ THỚI

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

A. ĐẤT Ở

Sửa đổi, bổ sung nội dung tại số thứ tự 6, 7, 8, 25, 27, 30, 36, 68, 69, 70, 79, 80, 83, 93, 94, 95 Phụ lục 06 ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL06 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
I	**SỬA TÊN ĐƯỜNG**			
1	25	Đường vào xóm Dầm chèo		Sửa tên đường (Tên cũ: Đường Bê tông)
2	30	Đường cặp UBND phường Mỹ Thạnh cũ		Sửa tên đường (Tên cũ: Đường cặp UBND phường)
		- Trần Hưng Đạo - Sông Hậu	2.370	
3	36	Đường cặp rạch Cái Sắn nhỏ		
		- Đoạn từ Cầu Cái Sắn nhỏ đến cuối đường	2.370	Sửa tên đường (Tên cũ: Đoạn từ Cầu Cái Sắn nhỏ đến thửa đất số 47, tờ bản đồ số 183)
4	68	Đường cặp rạch Cái Sao		

TT	Số TT PL06 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
		- Cầu Cái Sao - Vàm sông Hậu (bờ phải)	2.400	Sửa tên đường (Tên cũ: Vàm sông Hậu - Cầu Cái Sao (bờ phải))
		- Cầu Cái Sao - Vàm sông Hậu (bờ trái)	2.400	Sửa tên đường (Tên cũ: Vàm sông Hậu (Thửa 53, Tờ 32) - Cầu Đình (bờ trái))
		- Cầu Cái Sao – Mương ông Câu (bờ trái), Cầu Cái Sao – Mương Bà Của (bờ phải)	2.400	Sửa tên đường (Tên cũ: Cầu Cái Sao - Tờ bản đồ 49 thửa 137(bờ trái), Cầu Bê tông (Tờ BĐ 48, thửa 11 (bờ phải))
		- Mương ông Câu - Ngã ba 7 Tiền (bờ trái)	960	Sửa tên đường (Tên cũ: Tờ bản đồ 49 thửa 137 - Ranh giới hành chính phường (bờ trái))
		- Mương Bà Của - Kênh Ngã Bát (bờ phải)	960	Sửa tên đường (Tên cũ: Cầu Bê tông (Tờ BĐ 48, thửa 11) - Kênh Ngã Bát)
5	70	Đường cặp rạch Gòi Bé		
		- Trần Hưng Đạo (Cầu Gòi Bé - đường Nguyễn Hiến Lê (bờ trái))	2.400	Sửa tên đường (Tên cũ: Trần Hưng Đạo (Cầu Gòi Bé - bờ trái) - Nguyễn Hiến Lê)
		- Trần Hưng Đạo (Cầu Gòi Bé - Rạch Ba Miễu (bờ phải)	2.400	Sửa tên đường (Tên cũ: Trần Hưng Đạo (Cầu Gòi Bé - bờ phải) - Rạch Ba Miễu)
		- Rạch Ba Miễu - Hết đường rạch Gòi Bé trong	2.400	Sửa tên đường (Tên cũ: Rạch Ba Miễu - Hết đường (rạch Gòi Bé trong))

TT	Số TT PL06 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
		- Rạch Ba Miễu - Kênh Lò Tàu Hủ (Bờ phải)	640	Sửa tên đường (Tên cũ: Cầu rạch Gòi Bé - KDC Đức Thành)
6	79	Đường Đức Thành		
		- Nguyễn Hiến Lê - Phường đội (đối diện kênh Lò Tàu Hủ)	3.040	Sửa tên đường (Tên cũ: Nguyễn Hiến Lê – Phường đội (đối diện ngã 3 rạch Gòi Bé))
		- Phường đội (đối diện kênh Lò Tàu Hủ) - tuyến đường tránh Long Xuyên	1.440	Sửa tên đường (Tên cũ: Phường đội (đối diện ngã 3 rạch Gòi Bé) – tuyến đường tránh Long Xuyên)
7	80	Đường Tây An - Phú Hòa		
		- Kênh Lò Tàu Hủ - Cầu Đức Thành 4 (giáp xã Phú Hoà) (Bờ phải rạch Gòi Bé)	640	Sửa tên đường (Tên cũ: Ngã 3 rạch Gòi Bé - Cầu Đức Thành 3 (giáp xã Phú Hoà) (Bờ phải rạch Gòi Bé))
8	83	Đường cặp Kênh Bờ Ao		
		- Cầu Đức Thành 4 - Rạch Cái Sao dưới (Bờ phải)	1.280	Sửa tên đường (Tên cũ: Cầu Đức Thành 3 - Rạch Cái Sao dưới (Bờ phải))
		- Cầu Đức Thành 4 - Rạch Cái Sao dưới (Bờ trái)	480	Sửa tên đường (Tên cũ: Cầu Đức Thành 3 - Rạch Cái Sao dưới (Bờ trái))

TT	Số TT PL06 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
9	93	Các tuyến đường khác có độ rộng đường ≥ 3m	600	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường ≥ 3m được trải bê tông hoặc nhựa)
10	94	Các tuyến đường khác có độ rộng đường < 3m	480	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường < 3m được trải bê tông hoặc nhựa)
II	**BỔ SUNG**			
1	6	Hồ Huấn Nghiệp		
		- Trần Hưng Đạo - Cầu Năm Sú	3.792	Bổ sung giá đất
2	7	Tăng Bạt Hổ		
		- Trần Hưng Đạo - Cầu Lộ Xã	3.792	Bổ sung giá đất
3	8	Hẻm 1 khóm Thới An		
		- Chưởng Binh Lễ - Cuối hẻm	2.370	Bổ sung giá đất
4	25	Đường vào xóm Dầm chèo		
		- Quán Phú Đức cũ - Đường cặp Sông Hậu	2.370	Bổ sung
5		Đường vào Công ty Xăng dầu, dầu khí An Giang (Trần Hưng Đạo - Cửa công ty)	2.370	Bổ sung
III	**HỦY BỎ**			

TT	Số TT PL06 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
1	95	Các tuyến đường còn lại	400	Hủy bỏ

B. ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL06 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
I	**SỬA TÊN ĐƯỜNG**			
1	1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản		
		Sông Hậu – Đường tránh TP. Long Xuyên	243	Sửa tên đường (Tên cũ: Sông Hậu – Hết Đường tránh TP. Long Xuyên)
2	2	Đất trồng cây lâu năm		
		Sông Hậu – Đường tránh TP. Long Xuyên	284	Sửa tên đường (Tên cũ: Sông Hậu – Hết Đường tránh TP. Long Xuyên)
II	**HỦY BỎ**			
1		Khóm An Hưng, An Thới, Long Hưng 1, Long Hưng 2, Khóm Tây An, Khóm Tây Thạnh, Khóm Thạnh An, Trung An, Trung Hưng, Trung Thạnh		Hủy bỏ